

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-5-2023

V/v tranh chấp ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nhơn

2. Bà Nguyễn Thị Bé Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 456/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1977 “có mặt”.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1980 “vắng mặt”.

Cùng trú tại: ấp A, xã V, huyện X, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 29/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Giữa anh và chị T thành hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện X, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 29/4/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại ấp A, xã V, huyện X, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống khoảng 17 năm, lúc đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, hiện tại vợ chồng còn sống chung nhà nhưng đã ly thân từ năm 2020 đến

nay. Anh xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu ly hôn với chị T. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 08/02/2006 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 01/4/2016 hiện đang sống chung với cha mẹ. Nay anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày: chị thống nhất như lời trình bày của anh C về thời gian thành hôn, đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Quá trình chung sống vợ chồng cũng hạnh phúc, sau này cũng phát sinh mâu thuẫn trong gia đình thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn phát sinh trầm trọng từ năm 2019 anh C lạnh nhạt với chị, không lo cho gia đình, quen người phụ nữ khác. Nay theo yêu cầu ly hôn của anh C thì chị không đồng ý, lý do để cùng lo cho con. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 08/02/2006 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 01/4/2016 hiện đang sống chung với chị và anh Cảnh. Trường hợp nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh C thì chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Giữ yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vắng mặt không lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn C.

Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 08/02/2006 cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 01/4/2016 cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng. Anh C và chị

T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: anh C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T, có địa chỉ ấp A, xã V, huyện X, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X. Do đó, Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Hồng T kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 29/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện X, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 46 ngày 29/4/2005, anh C và chị T kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của anh C cho rằng: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi. Chị T cũng xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2019 mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân anh C lạnh nhạt với chị, quen người phụ nữ khác, không lo cho gia đình. Tòa án hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn với nhau nhưng không đạt kết quả. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, xét yêu cầu ly hôn của anh C là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy vợ chồng có 02 con chung, anh Cạnh và chị T đều muốn được nuôi. Tuy nhiên con chung Nguyễn Thị Hồng N có ý kiến nguyện vọng sống chung với chị T và Nguyễn Tuấn K có ý kiến muốn sống với anh C. Chị T và anh C cũng đủ điều kiện nuôi con và đề tôn trọng ý kiến của 02 người con nên tiếp tục giao Hồng N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao Tuấn

K cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: anh C và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm anh C phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn C .

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T.

2. Về con chung:

Giao Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 08/02/2006 cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 01/4/2016 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. chị T và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con và anh C, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh Thanh đã nộp theo biên lai thu số 0014881 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện X;
- Thi hành án dân sự huyện X;
- Ủy ban nhân dân xã V, huyện X, Vĩnh Long;
- (Giấy kết hôn số: 46, ngày 29/4/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong